

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81** /2020/HSST
Ngày 19 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Hân

Ông Nguyễn Văn Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Đĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2020/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không.

- Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 7/12. Họ và tên bố: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (đã chết). Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1970. Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ hai. Vợ: Lành Thị T, sinh năm 2000. Con: Chưa có.

- Nhân thân: Tại bản án số 121/2013/HSPT ngày 23/7/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 31/8/2015.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

Anh Dương Văn D - sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Thị T sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú tại: Số 31, đường G, Phường D, thành phố B
Chị Lê Thị H sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Trú quán: Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

+ Người làm chứng:

Bùi Quang T - sinh năm 2000 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang
Bà Nguyễn Bích L - sinh năm 1966 (Vắng mặt)
Trú tại: Số 39, đường Đ, phường L, TP B, tỉnh Bắc Giang
Anh Nguyễn Hữu Q sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Trú tại: số nhà 04, tổ dân phố Đ, phường X, TP Bắc Giang
Anh Hoàng Thế A (Tức A) sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú tại: Số 31, đường G, Phường D, thành phố B
Anh Nguyễn Văn M sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú tại: Số 12, Ngõ 52, đường H, phường L, TP B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1995 trú tại Tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết xã hội với anh Dương Văn D, sinh năm 1990 trú tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang do đã có khoảng thời gian làm việc chung tại Xí nghiệp may LGG X. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27/12/2019, Đ điện thoại cho anh D hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Waves, màu sơn đen-đỏ-xám, biển kiểm soát 98B2-283.53 của anh D để đi có việc, anh D đồng ý. Do đang trên đường đi làm nên anh D điều khiển chiếc xe mô tô trên đến đón Đ tại đường G, phường X, thành phố B rồi đèo Đ đến cổng Xí nghiệp may LGG X có địa chỉ tại Cụm Công nghiệp 2 X, tổ dân phố T, phường X, thành phố B. Tại đây, anh D giao xe cùng chìa khóa cho Đ mượn và hẹn nếu trả xe mà không gặp được anh D thì gửi xe cho bảo vệ, rồi anh D đi vào xí nghiệp may để làm việc. Sau đó, Đ điều khiển xe đi ăn sáng rồi đến nhà anh Bùi Quang T, sinh năm 2002, tại thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để rủ anh T cùng đi chuộc lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đen mà Đ đã cầm cố trước đó tại nhà nghỉ Nam

Dương của bà Nguyễn Bích L, sinh năm 1966, trú tại số 39, đường đê T, phường L, thành phố B. Khi đến nơi, Đ được bà L cho biết chiếc xe trên đã được anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1993, trú tại số nhà 04, tổ Đ, phường X, thành phố B là người đi cùng Đ khi đến cầm cố chuộc ra rồi nên Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B2-283.53 đèo anh T về rồi một mình đi chơi điện tử tại phường D, thành phố B. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh D tan ca làm buổi sáng và chưa thấy Đ đến trả xe nên đã gọi điện cho Đ. Lúc này do đang chơi điện tử nên Đ có nói là đang bận, hẹn anh D buổi chiều cùng ngày khi anh D tan làm sẽ mang trả, anh D đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển chiếc xe mô tô trên đến quán game bắn cá ở địa chỉ số 31, đường G, phường X, thành phố B do anh Hoàng Thế A (tức A), sinh năm 1988 cùng vợ là chị Đoàn Thị T, sinh năm 1988, cùng trú tại địa chỉ trên làm chủ để chơi game bắn cá. Tại đây, Đ chơi thua hết số tiền 200.000 đồng trong người nên nảy sinh ý định găm cầm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2-283.53. Ngay sau đó, Đ đặt vấn đề với anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988, trú tại số 12, ngõ 52, đường H, phường L, thành phố B là nhân viên của quán muốn để lại chiếc xe mô tô trên để vay số tiền 4.000.000 đồng. Đ nói rằng đây là xe của mình và để quên giấy tờ ở nhà. Anh M nói lại việc này với Chị T và được Chị T đồng ý, nên đã lấy giấy bút rồi đọc cho Đ viết giấy vay tiền với nội dung: “Tôi mượn tiền 4.000.000 đồng của anh A, đặt lại xe mô tô biển số 98B2- 283.53 làm tin, hẹn 10 ngày sau sẽ trả” rồi đưa lại cho Chị T. Chị T xem xong thì đưa cho Anh M số tiền 4.000.000 đồng, Anh M đưa cho Đ số tiền 3.600.000 đồng còn số tiền 400.000 đồng thì Anh M cất lải luôn và đưa trả lại Chị T. Số tiền có được, Đ khai đã sử dụng hết đến nay không có tiền chuộc lại chiếc xe 98B2- 283.53 để trả cho anh D.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 27/12/2019, anh D tan làm và gọi điện cho Đ đến cổng Xí nghiệp may LGG X để trả xe, Đ trả lời “Vâng” nhưng không mang xe đến trả. Sau nhiều lần khát hẹn, đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 29/12/2020, Đ hẹn gặp anh D tại quán nước trước cổng Nhà hát chèo Bắc Giang, thuộc phường X, thành phố B để thú nhận việc đã cầm cố chiếc xe mô tô và hẹn ngày hôm sau sẽ chuộc ra. Đến ngày 30/12/2020, Đ vẫn chưa có tiền để chuộc xe nên đã tắt máy điện thoại để anh D không liên lạc được. Lúc này, anh D liên lạc với anh Nguyễn Văn T thì được anh T cung cấp cho số điện thoại của chị Đoàn Thị T để chuộc xe. Đến ngày 17/2/2020, anh D cùng vợ là chị Lê Thị H, sinh năm 1991 đi đến Bến xe Bắc Giang gặp Chị T và thỏa thuận chuộc lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 283.53 với số tiền 4.200.000 đồng, Chị T nhận tiền rồi xé bỏ giấy vay tiền mà Đ đã viết vào ngày 27/12/2019.

Ngày 10/3/2020, anh Dương Văn D có đơn trình báo Công an thành phố B và giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ- đen- xám, biển kiểm soát 98B2- 283.53 cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị H

Đến ngày 13/3/2020, Nguyễn Hồng Đ đến Công an thành phố B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội

Ngày 06,07/4/2020, Cơ quan điều tra cho anh Nguyễn Văn M, chị Đoàn Thị T nhận dạng người qua ảnh. Kết quả, Anh M, Chị T nhận ra Đ là người đã trao đổi, thỏa thuận việc cầm cố, vay tiền với Anh M, Chị T vào ngày 27/12/2019

Ngày 09/4/2020, Cơ quan điều tra cho Nguyễn Hồng Đ nhận dạng người qua ảnh. Kết quả Đ nhận ra được Anh M, Chị T là người đã trao đổi, nhận cầm cố chiếc xe mô tô vào ngày 27/12/2019

Tại kết luận định giá tài sản số 216/KL-HĐĐG ngày 16/3/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, số máy: JC52E1389733, số khung 526XDY237385, màu sơn đen-đỏ-xám, biển kiểm soát 98B2-283.53, xe sản xuất năm 2015, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá 12.000.000 đồng”

Quá trình điều tra xác định chiếc xe nêu trên có đăng ký chủ sở hữu là chị Lê Thị H, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã T, thành phố B, là vợ của anh Dương Văn D. Ngày 19/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị H. Đến nay anh Dương Văn D yêu cầu Đ phải bồi thường số tiền mà anh đã bỏ ra để chuộc xe là 4.200.000 đồng.

Đối với chị Đoàn Thị T có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 20/4/2020, Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 83/QĐ-XPHC, xử phạt Đoàn Thị T 2.500.000 đồng về hành vi: Hoạt động kinh doanh mà không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định, quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015

Cáo trạng số 84/KSĐT ngày 22/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Hồng Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại Anh Dương Văn D vắng mặt tại phiên tòa anh xác định chiếc xe mô tô trên là của vợ chồng anh đã nhận lại được nhưng anh phải bỏ số tiền 4.200.000 để chuộc xe về, nay anh đề nghị bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền là 4.200.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H xác định chiếc xe mô tô trên là của vợ chồng chị đã nhận lại được nhưng anh D phải bỏ số tiền 4.200.000đ để chuộc xe về. Chị đề nghị bị cáo phải trả cho anh D số tiền 4.200.000đồng

Chị Đoàn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị xác định khi chị cầm cố chiếc xe trên chị không biết bị cáo do phạm tội mà có. Chị đã bị xử phạt vi phạm hành chính và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Miễn phạt tiền bổ sung cho bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho Dương Văn D số tiền 4.200.000đồng

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hưởng mức án thấp nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/12/2020, tại cửa hàng game bắn cá ở địa chỉ số 31, đường G, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, sau khi mượn của anh Dương Văn D, sinh năm 1990 trú tại thôn T, xã T, thành phố B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, số máy: JC52E1389733, số khung 526XDY237385, màu sơn đen-đỏ-xám, biển kiểm soát 98B2-283.53, xe sản xuất năm 2015, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá 12.000.000 đồng, Nguyễn Hồng Đ, sinh

năm 1995, trú tại Tổ dân phố T, phường X, thành phố B đã có hành vi cầm cố chiếc xe dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Bị cáo đã có hành vi mượn tài sản của người bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, chiếm đoạt tài sản của họ một cách bất hợp pháp, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có

Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2013 bị xét xử về hành vi cố ý gây thương tích, chứng tỏ bị cáo là kẻ rất coi thường kỷ cương pháp luật.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do vậy áp dụng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú do vậy áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

Từ các nhận định trên đây, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và giáo dục bị cáo nói riêng.

[4] Phạt tiền bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên miễn phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn D, yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 4.200.000đồng xét thấy yêu cầu này cần chấp nhận

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Đ phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hồng Đ 10** (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/3/2020

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584; 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Dương Văn D số tiền 4.200.000đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP.B;
- Công an TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hải Hường

